

# Tác động của tốc độ tăng trưởng tín dụng đến rủi ro thanh khoản: Trường hợp các ngân hàng thương mại Việt Nam

Nguyễn Kim Chi\*, Võ Thị Diễm Hồng,  
Phạm Thu Hà và Võ Ngọc Châu

Trường Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

## TÓM TẮT

Mục đích của bài nghiên cứu này nhằm tìm ra tác động của tăng trưởng tín dụng đến rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng các dữ liệu từ báo cáo thường niên, báo cáo tài chính của 27 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2010 – 2021. Bằng các phương pháp nghiên cứu định lượng như: hồi quy dữ liệu bảng Pooled OLS, FEM, REM, GLS và phương pháp hồi quy hai bước GMM, kết quả nghiên cứu từ mô hình hồi quy cho thấy tốc độ tăng trưởng tín dụng tác động cùng chiều đến rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Ngoài ra, các biến kiểm soát như: khả năng sinh lời từ vốn chủ sở hữu, tỷ lệ vốn chủ sở hữu cũng tác động cùng chiều đến rủi ro thanh khoản. Bên cạnh đó, một số biến như: quy mô ngân hàng và khả năng sinh lời từ tổng tài sản lại có tác động ngược chiều đến rủi ro thanh khoản. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách đưa ra những chính sách về tăng trưởng tín dụng của ngân hàng trong tương lai để hạn chế rủi ro thanh khoản.

**Từ khóa:** Tốc độ tăng trưởng tín dụng, rủi ro thanh khoản, ngân hàng thương mại

## 1. GIỚI THIỆU

Hoạt động của hệ thống ngân hàng là yếu tố quyết định giúp phát triển nền kinh tế. Trong đó, hoạt động tín dụng là yếu tố then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của một ngân hàng. Hoạt động tín dụng giúp ngân hàng tăng thêm nguồn thu nhập và chính hoạt động tín dụng góp phần giúp ngân hàng mở rộng thêm hoạt động kinh doanh. Nguồn thu nhập từ tín dụng chiếm phần lớn tỷ lệ cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại Việt Nam, đẩy mạnh hoạt động tín dụng được coi là một trong những mục tiêu then chốt của ngân hàng. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng quá cao gây nhiều ảnh hưởng cho các ngân hàng trong việc kiểm soát chất lượng các khoản vay là nguyên nhân dẫn đến nợ xấu tăng cao, lợi nhuận sụt giảm. Thực tế cho thấy càng mở rộng hoạt động tín dụng thì nguy cơ rủi ro trong hoạt động này càng tăng cao, từ đó khiến cho các ngân hàng giảm khả năng thu hồi nợ và khả năng thanh toán bị giảm sút. Mối quan hệ cùng chiều giữa rủi ro tín dụng với rủi ro thanh khoản cũng được khẳng định trong các nghiên cứu trước đây [1 - 3].

Hoạt động của ngân hàng thương mại với tính chất đặc thù là kinh doanh tiền tệ vì vậy luôn ẩn chứa nhiều rủi ro như: rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường... Tất cả các rủi ro đó đều có tác động nhất định sự an toàn cũng như hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại. Trong số các rủi ro thì rủi ro thanh khoản sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của các ngân hàng thương mại. Khi các ngân hàng không trả kịp thời các khoản thanh toán đến hạn thì sẽ phải tốn một khoản chi phí để kịp thời có khoản vốn để thanh toán gấp các khoản đến hạn thanh toán, điều này làm giảm đi lượng tài sản cũng như lợi nhuận của ngân hàng. Khi rủi ro thanh khoản kéo dài, lợi nhuận giảm dần thì sẽ khiến hoạt động ngân hàng đình trệ, làm mất đi lượng khách hàng uy tín. Hiện trạng này càng kéo dài có thể ngân hàng sẽ bị sụp đổ, lúc này thì chỉ có sự trợ giúp từ ngân hàng Trung ương mới có thể thoát khỏi nguy cơ phá sản nhưng cũng cần một khoảng thời gian để ổn định lại hệ thống. Rủi ro thanh khoản làm cho tâm lý khách hàng muốn nhanh chóng rút tiền ra khỏi ngân

Tác giả liên hệ: ThS. Nguyễn Kim Chi

Email: [nguyenkimchi@iuh.edu.vn](mailto:nguyenkimchi@iuh.edu.vn)

hàng, do lượng khách hàng muốn rút tiền trong cùng một lúc sẽ làm cho ngân hàng không kịp thời đáp ứng, từ đó khách hàng sẽ nghi ngờ về năng lực điều hành cũng như uy tín của ngân hàng. Qua đó các hoạt động của ngân hàng sẽ bị ảnh hưởng lớn và có thể dẫn đến phá sản. Các ngân hàng bị rủi ro thanh khoản sẽ gặp khó khăn trong việc xoay chuyển vốn đến nền kinh tế cũng bị ảnh hưởng. Cũng giống như ảnh hưởng đến khách hàng, khi một khách hàng bị ảnh hưởng thì sẽ dẫn đến thêm nhiều khách hàng khác, thì một ngân hàng bị ảnh hưởng càng lâu mà không khắc phục được thì sẽ kéo theo nhiều ngân hàng khác bị ảnh hưởng, nặng hơn sẽ dẫn đến sụp đổ cả hệ thống ngân hàng. Hệ thống ngân hàng bị ảnh hưởng sẽ gây bất lợi lớn cho nền kinh tế của một quốc gia.

Có rất nhiều các nghiên cứu trước đây về chủ đề rủi ro thanh khoản của ngân hàng, tuy nhiên hầu hết tập trung vào các yếu tố tác động đến rủi ro thanh khoản của ngân hàng, một số nghiên cứu tập trung vào mối quan hệ giữa rủi ro thanh khoản và lợi nhuận ngân hàng [4] một số tập trung vào mối quan hệ giữa rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng ngân hàng [5 - 6]. Tại Việt Nam có rất ít các nghiên cứu về tác động của tăng trưởng tín dụng ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại. Hầu hết các nghiên cứu đều nói về quy mô ngân hàng (SIZE), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA), tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ lệ vốn chủ sở hữu (CAP), tỷ lệ nợ xấu (NPL), tỷ lệ lạm phát (CPI)... ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản các ngân hàng thương mại [7] trong khi tăng trưởng tín dụng cũng có thể là một trong những yếu tố tác động không nhỏ đến rủi ro thanh khoản. Tăng trưởng tín dụng là một trong những nội dung mà Chính Phủ và ngành ngân hàng quan tâm nhất vì nó góp phần hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp vay vốn ngân hàng từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy nhiên liệu rằng tăng trưởng tín dụng có tác động đến rủi ro thanh khoản hay không thì cần

có một nghiên cứu cụ thể về chủ đề này. Chính vì vậy, mục tiêu nghiên cứu của bài báo này nhằm nghiên cứu sâu hơn về mối quan hệ giữa tăng trưởng tín dụng với rủi ro thanh khoản từ đó tìm ra sự tác động của tăng trưởng tín dụng lên rủi ro thanh khoản ngân hàng trên cơ sở đó đưa ra kết luận và hàm ý một số chính sách cho các nhà quản trị ngân hàng.

Bài nghiên cứu bao gồm 5 phần: Phần 1 giới thiệu về nghiên cứu, phần 2 là cơ sở lý thuyết rủi ro thanh khoản và tăng trưởng tín dụng, phần 3 trình bày phương pháp nghiên cứu và dữ liệu, phần 4 đưa ra kết quả nghiên cứu và thảo luận, cuối cùng là kết luận và đề xuất một số giải pháp và kiến nghị cho các nhà lãnh đạo, nhà quản trị ngân hàng để giúp cải thiện sự ảnh hưởng của tăng trưởng tín dụng đối với rủi ro thanh khoản.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng được hiểu là giá trị dư nợ cho vay của đối tượng khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp có sự tăng lên qua các năm [8]. Nhờ tín dụng tăng trưởng các cá nhân, tổ chức có thể đi vay ngân hàng được nhiều hơn để sử dụng chi tiêu cho các mục đích đã đề ra. Có thể thấy sự gia tăng của các khoản tín dụng dành cho các đối tượng khách hàng cá nhân và tổ chức thì được hiểu là tăng trưởng tín dụng. Tăng trưởng tín dụng giúp cho các đối tượng khách hàng bổ sung nguồn vốn vào các hoạt động kinh doanh cũng như chi tiêu cá nhân đúng thời điểm, nhằm tạo nên được kết quả tốt nhất đến cho khách hàng.

Tốc độ tăng trưởng tín dụng được hiểu là so sánh sự tăng giảm của giá trị tín dụng tại thời điểm tính toán với thời điểm muốn so sánh. Mỗi mốc thời gian so sánh khác nhau thì tăng trưởng tín dụng sẽ mang ý nghĩa khác nhau như tăng trưởng liên hoàn hay tốc độ tăng trưởng so với kỳ gốc.

$$\text{Tốc độ tăng trưởng tín dụng (\%)} = \left( \frac{\text{Dư nợ cho vay năm } t}{\text{Dư nợ cho vay năm } t - 1} \right) * 100 - 100$$

### 2.2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro là những sự kiện trong tương lai của tổ chức tín dụng mà có thể sẽ gây ra tổn thất hoặc gây ra sự thất bại trong sự kiện và trong các mục tiêu của tổ chức tín dụng đã đề ra. Rủi ro thanh khoản là việc mà ngân hàng không có khả năng

để gia tăng nguồn vốn của mình để tài trợ gia tăng tài sản. Rủi ro thanh khoản là tại một thời điểm nào đó mà ngân hàng thương mại mất đi khả năng thanh khoản của mình hoặc là khi ngân hàng phải đi huy động nguồn vốn lớn nhưng với chi phí cao để đáp ứng được nhiều yêu cầu

thanh toán của khách hàng, hay là do những nguyên nhân chủ quan khác, từ đó kéo theo những hậu quả không đáng có làm cho ngân hàng phải chịu nhiều ảnh hưởng xấu có thể dẫn đến việc mất khả năng thanh khoản trong một thời gian dài[9].

Rủi ro thanh khoản được chia làm hai loại: thị trường và nguồn vốn. Rủi ro thanh khoản thị trường là rủi ro ảnh hưởng đến nền kinh tế, nó vượt xa khỏi tầm kiểm soát của chính phủ và các ngân hàng, gây ảnh hưởng đến các hoạt động của NHTM, có thể dẫn đến các ngân hàng bị mất đi khả năng thanh khoản trong các khoản đầu tư. Rủi ro thanh khoản nguồn vốn là các khoản phát sinh khi đến hạn thanh toán mà ngân hàng không đủ nguồn vốn để thanh toán các khoản nợ hoặc đối với các khoản tiền bất thường. Rủi ro này có thể xảy ra do ngân hàng không có khả năng thu hút khách hàng để có các nguồn tài trợ cần thiết để đảm bảo thanh toán các khoản nợ tức thời.

Một số nghiên cứu khác chỉ ra rằng rủi ro thanh khoản có tác động tiêu cực đến hiệu suất tài chính và sự ổn định của các ngân hàng [1, 10]. Rủi ro thanh khoản có thể ảnh hưởng đến khả năng ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh như cho vay, đầu tư và quản lý rủi ro. Nếu ngân hàng gặp khó khăn trong việc tài trợ cho vay hoặc đầu tư, nó có thể ảnh hưởng đến doanh số và lợi nhuận của ngân hàng. Rủi ro thanh khoản có thể gây ra nhiều vấn đề tài chính và kinh doanh cho ngân hàng, từ việc đáp ứng yêu cầu tiền mặt của khách hàng cho đến tác động đến hoạt động kinh doanh cơ bản của họ. Do đó, quản lý và giảm thiểu rủi ro thanh khoản là một phần quan trọng trong chiến lược quản lý ngân hàng.

### **2.3. Tổng quan các nghiên cứu trước đây về mối quan hệ giữa tăng trưởng tín dụng và rủi ro thanh khoản**

Tăng trưởng tín dụng được hiểu là hoạt động tín dụng mở rộng, trong khi rủi ro thanh khoản xảy ra tức là nguồn vốn ngân hàng giảm đi điều này gây bất lợi cho việc mở rộng hoạt động tín dụng.

Mối quan hệ giữa tăng trưởng tín dụng và rủi ro thanh khoản là rất phức tạp và có thể điều chỉnh bởi nhiều yếu tố khác nhau. Tuy nhiên, thông thường khi tăng trưởng tín dụng tăng cao thì rủi ro thanh khoản cũng sẽ tăng lên. Khi tăng trưởng tín dụng quá nóng, tức là ngân hàng cho vay quá nhiều, có thể dẫn đến việc khách hàng không thể

trả nợ và đòi hỏi rút tiền gửi để giải quyết nợ. Điều này có thể dẫn đến tình trạng rủi ro thanh khoản, khiến các tổ chức tài chính không đủ tiền mặt để đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng[1].

Tăng trưởng tín dụng tăng của các ngân hàng thương mại còn kéo theo những khoản đầu tư của khách hàng có tính chất rủi ro cao, chủ yếu tập trung phần lớn vào đầu tư bất động sản để thu về nhiều lợi nhuận. Với việc đầu tư đó sẽ dễ dàng xảy ra nhiều rủi ro như thị trường bị đóng băng hay kỳ hạn tài sản có và tài sản dư nợ bị mất cân đối, nguyên nhân do hệ thống ngân hàng đã sử dụng quá nhiều nguồn vốn ngắn hạn để tập trung cho vay dài hạn. Tăng trưởng tín dụng quá mức sẽ gây tác động ngược chiều với khả năng thanh khoản của ngân hàng, điều này đồng nghĩa với việc ngân hàng có tăng trưởng tín dụng cao thì có tỷ lệ vốn thấp, và cũng đồng nghĩa với vốn ít thì khả năng thanh khoản sẽ thấp dần. Chính vì những yếu tố đó mà dẫn đến rủi ro thanh khoản đối với hệ thống ngân hàng thương mại. Trong nghiên cứu khác cũng đã cho thấy được sự tương quan cùng chiều của rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng trong hoạt động của ngân hàng[11]. Rủi ro thanh khoản cũng được tìm thấy có ảnh hưởng cũng như tác động cùng chiều tới sự ổn định trong hoạt động ngân hàng và rủi ro tín dụng thì tác động ngược chiều đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng[12].

Tăng trưởng tín dụng và rủi ro thanh khoản thì đều có sự tác động, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán cũng như sự ổn định của ngân hàng. Tăng trưởng tín dụng làm cho nợ xấu tăng cao, các ngân hàng thương mại hằng năm phải bỏ ra một khoảng chi phí lớn để xử lý khoản nợ xấu đó, từ đó làm giảm đi phần lợi nhuận của ngân hàng. Rủi ro thanh khoản cũng gây nên mối ảnh hưởng đến với ngân hàng là làm ảnh hưởng đến nguồn cung ngắn hạn, để đảm bảo được khả năng thanh toán thì ngân hàng phải đặc biệt quan tâm đến nguồn vốn ngắn hạn. Vì việc duy trì nguồn vốn ngắn hạn sẽ có lợi rất nhiều cho việc đáp ứng các nhu cầu cho vay của những phương án ít rủi ro khi cho vay dài hạn. Theo nghiên cứu trước đây[3], khả năng thanh khoản sẽ bị tác động ngược chiều nếu như tăng trưởng tín dụng diễn ra quá mức, nếu ngân hàng có tỷ lệ tăng trưởng tín dụng lớn thì đồng nghĩa với việc ngân hàng đó sẽ có tỷ số vốn thấp, từ đó khả năng thanh khoản cũng giảm sút. Có thể thấy hầu hết các kết quả nghiên cứu trước đây đều tìm ra bằng chứng

về mối quan hệ cùng chiều giữa tăng trưởng tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiên cứu của Ahamed [13] xem xét các yếu tố bên ngoài và đặc thù ngân hàng ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản trong các ngân hàng thương mại ở Bangladesh từ năm 2005 - 2018 và dữ liệu bảng được sử dụng để tiến hành phân tích hồi quy kết quả nghiên cứu cho thấy tăng trưởng tín dụng trong nước làm giảm tính thanh khoản, nghĩa là tăng rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra tình trạng mất khả năng thanh toán. Nghiên cứu đưa ra bằng chứng về việc cho vay càng nhiều thì rủi ro thanh khoản của ngân hàng càng tăng. Các ngân hàng thường tăng khoản vay để tăng lợi nhuận điều này làm cạn kiệt tính thanh khoản và tăng rủi ro thanh khoản cho ngân hàng. Trong bối cảnh Việt Nam, nghiên cứu của Wu, et al. [14] đánh giá ảnh hưởng của tăng trưởng cho vay đến rủi ro ngân hàng trên cơ sở dữ liệu của 29 ngân hàng niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2020. Kết quả phân tích dữ liệu bảng với phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát (GLS) đã tìm ra mối quan hệ giữa tăng trưởng cho vay và rủi ro ngân hàng. Trong đó, tăng trưởng cho vay có tác động tiêu cực tới nợ xấu và vốn rủi ro thanh khoản trên tài sản nhưng lại có tác động tích cực đến lợi nhuận ngân hàng. Nhìn chung có rất ít các nghiên cứu trước đây bàn về mối quan hệ trực tiếp giữa tăng trưởng tín dụng và rủi ro thanh khoản của ngân hàng, đây có thể được xem như khoảng trống nghiên cứu mà tác giả thực hiện trong bối cảnh thực tiễn ở Việt Nam.

Trên cơ sở các nghiên cứu trước đây, bài báo đưa ra giả thuyết nghiên cứu như sau:

H0: Tăng trưởng tín dụng có tác động cùng chiều với rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

### 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu theo phương pháp định lượng, dựa trên nguồn dữ liệu đã thu thập được từ các NHTM Việt Nam và sử dụng phần mềm STATA để chạy mô hình hồi quy. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Pooled OLS, Fix Effect Model, Random Effect Model, FGLS và GMM để tìm ra sự tác động của tăng trưởng tín dụng đến rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

- Phương pháp Pooled OLS: là phương pháp hồi

quy bình phương nhỏ nhất, được sử dụng khá phổ biến trong việc nghiên cứu định lượng. Phương pháp OLS lựa chọn các hệ số hồi quy alpha và beta để cho bình phương sai số của mô hình ước lượng là bé nhất.

- Phương pháp Fix Effect Model (FEM): là một mô hình bình phương nhỏ nhất tổng quát hóa khả thi, hiệu quả hơn về mặt tiệm cận so với các mô hình OLS gộp tổng hợp khi có các thuộc tính hằng số thời gian. Nó là mô hình thống kê trong đó các tham số của mô hình là các đại lượng cố định hoặc không ngẫu nhiên.
- Phương pháp Random Effect Model: Còn được gọi là mô hình thành phần phương sai, nó là một mô hình thống kê trong đó các tham số của mô hình là các biến ngẫu nhiên. Đây là một loại mô hình tuyến tính phân cấp giả định rằng dữ liệu được phân tích đến từ các tầng lớp dân số khác nhau với những khác biệt liên quan đến tầng đó. Các mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên là một trường hợp đặc biệt của các mô hình hỗn hợp.
- Phương pháp ước lượng nhỏ nhất (GLS) được áp dụng trong trường hợp các ma trận phương sai - đồng phương sai của các phần tử trong phương trình tuyến tính để khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi và tự tương quan trong mô hình.
- Phương pháp hồi quy tổng quát của thời điểm (GMM) là một phương pháp chung để tính toán các tham số trong mỗi mô hình thống kê. Thông thường, nó được sử dụng trong trường hợp của các mô hình bán tổng thể, trong đó tham số mục tiêu là chiều hữu hạn, trong khi hình dạng chính xác của hàm phân phối dữ liệu là không được biết và phương pháp tính toán khả năng tối đa không được sử dụng.

#### 3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu là các dữ liệu thứ cấp đã được thu thập trong các báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thường niên từ 27 ngân hàng thương mại từ năm 2010 đến năm 2021, bao gồm 324 quan sát được thu thập và đưa vào chạy mô hình hồi quy trên phần mềm thống kê Stata.

#### 3.3. Mô hình nghiên cứu

##### 3.3.1. Mô hình nghiên cứu

Bài nghiên cứu xây dựng mô hình nghiên cứu tập trung vào những tác động của tốc độ tăng trưởng tín dụng đến rủi ro thanh khoản, ngoài ra còn có

thêm các yếu tố liên quan khác tác động đến rủi ro thanh khoản của các NHTM Việt Nam như quy mô ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu, tăng trưởng kinh tế,... Dựa trên các nghiên cứu của [13 - 14], mô hình nghiên cứu đề xuất như sau:

$$LIQ_{it} = \beta_0 + \beta_1CGR_{it} + \beta_2ROA_{it} + \beta_3ROE_{it} + \beta_4SIZE_{it} + \beta_5NPL_{it} + \beta_9CAP_{it} + \beta_6GDP_{it} + \beta_7CPI_{it} + \epsilon_{it}$$

Trong đó:

- Biến phụ thuộc:
- + LIQ<sub>it</sub>: hệ số thanh khoản của ngân hàng *i* tại thời điểm *t*
- Biến độc lập:
- + CGR<sub>it</sub>: tốc độ tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng *i* tại thời điểm *t*

- Biến kiểm soát:

- + ROA<sub>it</sub>: tỷ lệ lợi nhuận ròng trên tổng tài sản của các ngân hàng *i* tại thời điểm *t*
- + ROE<sub>it</sub>: tỷ lệ lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu của các ngân hàng *i* tại thời điểm *t*
- + SIZE<sub>it</sub>: quy mô của các ngân hàng *i* tại thời điểm *t*
- + NPL<sub>it</sub>: tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng *i* tại thời điểm *t*
- + CAP<sub>it</sub>: tỷ lệ vốn tự có của các ngân hàng *i* tại thời điểm *t*
- + GDP<sub>it</sub>: tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội tại thời điểm *t*
- + CPI<sub>it</sub>: tỷ lệ lạm phát tại thời điểm *t*
- +  $\epsilon_{it}$ : là sai số ngẫu nhiên

### 3.3.2. Mô tả các biến nghiên cứu

**Bảng 1.** Tổng hợp các biến nghiên cứu

Biến	Ký hiệu	Đo lường biến	Nguồn số liệu
<b>Biến phụ thuộc</b>			
Rủi ro thanh khoản	LIQ	TS thanh khoản / TTS	BCTN
<b>Biến độc lập</b>			
Tốc độ tăng trưởng tín dụng	Tốc độ TTTD	(Dư nợ cho vay năm <i>t</i> / Dư nợ cho vay năm <i>t-1</i> ) - 1	BCTN
<b>Biến kiểm soát</b>			
Quy mô	SIZE	Ln (tổng tài sản)	BCTN
Vốn an toàn của ngân hàng	CAP	Vốn tự có / TTS có	
Tỷ suất lợi nhuận trên TTS	ROA	LNST / TTS	BCTN
Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH	ROE	LNST / VCSH	BCTN
Tỷ lệ nợ xấu	NPL	Tổng nợ xấu / Tổng dư nợ tín dụng	BCTN
Tăng trưởng kinh tế	GDP		Tổng cục thống kê
Tỷ lệ lạm phát	CPI		Tổng cục thống kê

## 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 4.1. Thống kê mô tả

Rủi ro thanh khoản (LIQ) trung bình là 0.177 trong đó LIQ cao nhất là 0.610 (Seabank năm 2011) và LIQ thấp nhất là 0.045 (Sacombank năm 2017), độ lệch chuẩn là 0.087. Giá trị trung bình của biến rủi ro thanh khoản (LIQ) là 0.177 giá trị nhỏ nhất là 0.045 trong khi giá trị lớn nhất là 0.610. Độ lệch chuẩn của chỉ tiêu này ở các ngân hàng là 0.087. Điều này cho thấy trung bình rủi ro thanh khoản của các ngân hàng là 17.7% tức là tài sản thanh khoản trên tổng tài sản của các NHTM chiếm khoảng 17.7%. Ngân hàng có chỉ số LIQ lớn nhất là 61% (Seabank trong năm 2011), ngân hàng có chỉ số LIQ thấp nhất trong một năm là 4.5% (Sacombank năm 2017). Độ lệch chuẩn trung bình

của chỉ tiêu là 0.087 cho thấy trung bình mức biến động so với giá trị trung bình của chỉ tiêu này ở các ngân hàng là 8.7%.

Giá trị trung bình của biến tốc độ tăng trưởng tín dụng là 0.191, giá trị nhỏ nhất là - 0.659 và giá trị lớn nhất là 1.082. Độ lệch chuẩn của chỉ tiêu này các ngân hàng là 0.180. Điều này cho thấy, trung bình tốc độ tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng khoảng 19.1%. Ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tín dụng lớn nhất là 108.2% (HDBank trong năm 2013), trong khi ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tín dụng thấp nhất là -65.9% (BAB - năm 2009). Độ lệch chuẩn trung bình của chỉ tiêu là 0.18 cho thấy trung bình mức biến động so với giá trị trung bình của chỉ tiêu này ở các ngân hàng là 18%.

**Bảng 2.** Thống kê mô tả các biến trong mô hình

Biến	Số quan sát	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất
LIQ	324	0.177	0.159	0.087	0.610	0.045
CGR	324	0.191	0.178	0.180	1.082	-0.659
ROA	324	0.007	0.006	0.007	0.047	-0.055
SIZE	324	32.398	32.398	1.157	35.105	30.166
CAP	324	0.090	0.081	0.038	0.255	0.009
ROE	324	0.190	0.078	0.085	0.268	-0.820
CPI	324	0.054	0.035	0.047	0.186	0.006
GDP	324	0.104	0.101	0.166	0.403	-0.317
NPL	324	0.021	0.019	0.013	0.114	0.000

**4.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

Bài nghiên cứu sử dụng lần lượt các phương pháp nghiên cứu như OLS, FEM, REM, GLS và GMM để tìm ra sự tác động của tốc độ tăng

trường tín dụng đến rủi ro thanh khoản của các NHTM Việt Nam. Bảng 3 thể hiện kết quả hồi quy tổng hợp từ các phương pháp OLS, FEM, REM và GLS.

**Bảng 3.** Kết quả hồi quy tổng hợp theo các phương pháp nghiên cứu

Tên biến	OLS	FEM	REM	GLS
CGR	0.006	0.011	0.006	0.006
	(0.750)	(0.570)	(0.750)	(0.634)
ROA	2.013	2.103	2.013	3.112***
	(0.185)	(0.180)	(0.185)	(0.006)
ROE	-0.120	-0.139	-0.120	-0.176*
	(0.339)	(0.281)	(0.339)	(0.073)
SIZE	-0.024***	-0.020*	-0.024***	-0.029***
	(0.005)	(0.069)	(0.005)	(0.000)
CAP	-0.981***	-1.027***	-0.981***	-0.976***
	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)
CPI	0.878***	0.907***	0.878***	0.441***
	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)
GDP	-0.063**	-0.063**	-0.063**	-0.029*
	(0.012)	(0.014)	(0.012)	(0.097)
NPL	-0.391	-0.302	-0.391	-0.307
	(0.193)	(0.331)	(0.193)	(0.215)
Hằng số	1.005***	0.873**	1.005***	1.183***
	(0.001)	(0.018)	(0.001)	(0.000)
Số quan sát	324	324	324	324
F-test (pvalue)	0.000			
Hausman test (p-value)	0.9507			
Phương sai sai số thay đổi (p-value)	0.000			
Tự tương quan (p-value)	0.000			

Mức ý nghĩa thống kê \*\*\*  $p < 0.01$ ; \*\*  $p < 0.005$ ; \*  $p < 0.1$

Để kiểm tra liệu có hiện tượng phương sai thay đổi trong mô hình hồi quy hay không, bài báo sử dụng kiểm định Wald kết quả cho thấy P-value = 0.0000 tức là tồn tại hiện tượng phương sai thay đổi trong mô hình. Ngoài ra kiểm tra sự tự tương quan trong

mô hình và nhận thấy P-value = 0.0000 tức là tồn tại hiện tượng tự tương quan trong mô hình. Do tồn tại hiện tượng phương sai thay đổi và tự tương quan, nghiên cứu sử dụng phương pháp FGLS để khắc phục hiện tượng này trong mô hình hồi quy. Mặc dù đã sử

dụng phương pháp GLS để khắc phục hiện tượng tự tương quan và phương sai thay đổi trong mô hình, tuy nhiên phương pháp này không khắc phục được

hiện tượng nội sinh tồn tại trong mô hình hồi quy, vì vậy nghiên cứu đã sử dụng phương pháp GMM để khắc phục và có kết quả như bảng dưới đây:

**Bảng 4.** Kết quả hồi quy của mô hình hồi quy bằng phương pháp GMM

	Hệ số hồi quy	P> z
CGR	-0.257*	0.056
ROA	-17.230**	0.008
ROE	1.806**	0.002
SIZE	-0.035***	0.000
CAP	0.447	0.092
CPI	-0.358	0.421
GDP	-0.031	0.174
NPL	0.495	0.723
Hằng số	1.249***	0.000
AR1	0.073	
AR2	0.611	

Kết quả nghiên cứu cho thấy tăng trưởng tín dụng có mối tương quan nghịch với tỷ lệ thanh khoản, tức là khi tốc độ tăng trưởng tín dụng tăng sẽ làm cho tỷ lệ thanh khoản giảm 0.257%. Điều này cũng có nghĩa là tốc độ tăng trưởng tín dụng tăng làm cho rủi ro thanh khoản tăng lên, phù hợp với giả thuyết nghiên cứu đưa ra tốc độ tăng trưởng tín dụng có mối quan hệ cùng chiều với rủi ro thanh khoản. Mở rộng tín dụng quá mức sẽ khiến các ngân hàng thương mại Việt Nam đối mặt với nguy cơ gia tăng rủi ro thanh khoản. Đây cũng chính là kết quả được tìm thấy trong các nghiên cứu trước đây, nghiên cứu cũng tìm ra mối quan hệ cùng chiều giữa rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản của các ngân hàng [2, 13 - 14] hay [1, 2] nghiên cứu cũng cho rằng những khoản cho vay kém chất lượng sẽ kéo theo việc khách hàng không trả được nợ cho ngân hàng, từ đó dẫn đến việc phải rút tiền gửi để trả nợ và giảm khả năng thanh khoản của ngân hàng.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (CAP) cho thấy có mối tương quan cùng chiều và có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ thanh khoản của các NHTM khi được đo bằng LIQ. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu thể hiện được sự độc lập, mức độ an toàn của nguồn vốn và tính tự chủ không phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn quá nhiều từ bên ngoài. Tỷ lệ này càng cao chứng tỏ ngân hàng chịu rủi ro thấp, hạn chế chi trả những chi phí lãi vay khi đến hạn. Ở đây, kết quả của mô hình nghiên cứu cho rằng khi tỷ lệ vốn chủ sở hữu tăng lên 1% thì tỷ lệ thanh khoản của các NHTM ở Việt Nam tăng lên 0.447%. Điều đó cho thấy được việc tăng vốn chủ sở hữu sẽ làm giảm nợ, góp phần làm hạn chế rủi ro thanh khoản của các NHTM. Ngược lại, nếu các

NHTM luôn sử dụng đòn bẩy tài chính cao thì sẽ khiến cho rủi ro thanh khoản của ngân hàng có xu hướng giảm.

Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu đo lường khả năng sinh lời trên mỗi đồng vốn của chủ sở hữu. Mô hình trên cho thấy tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu có tương quan thuận so với tỷ lệ thanh khoản, nghĩa là khi tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu tăng thêm 1% thì tỷ lệ thanh khoản tăng lên 1.806%

Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản đo lường khả năng sinh lợi trên mỗi đồng tài sản của ngân hàng. Nghiên cứu cho thấy tỷ số lợi nhuận trên tổng tài sản có mối tương quan ngược chiều so với tổng tài sản. Khi tỷ số lợi nhuận trên tổng tài sản tăng lên 1% thì tỷ lệ thanh khoản giảm xuống 17.23%.

## 5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

### 5.1. Kết luận

Dựa vào số liệu đã tìm được từ 27 NHTM ở Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2021, bằng phương pháp ước lượng mô hình hồi quy OLS, FEM, REM, GLS và GMM đã chỉ ra được mức độ ảnh hưởng của tốc độ tăng trưởng tín dụng đến rủi ro thanh khoản của các NHTM ở Việt Nam. Rủi ro thanh khoản là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của một ngân hàng. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam cho thấy hầu như kết quả hồi quy đều phù hợp với một số nghiên cứu trước đây cũng như kỳ vọng ban đầu của bài nghiên cứu. Câu hỏi nghiên cứu đã được làm rõ khi kết quả thực nghiệm chỉ ra tăng trưởng tín dụng có thể làm tăng rủi ro thanh khoản của ngân hàng,

biến kiểm soát ROA, ROE, SIZE và CAP cùng tác động đến rủi ro thanh khoản với các mức độ khác nhau các biến còn lại không có ý nghĩa thống kê, cụ thể như sau:

Tốc độ tăng trưởng tín dụng (CGR): tìm thấy mối quan hệ ngược chiều với tỷ lệ thanh khoản (LIQ), với mức ý nghĩa thống kê là 10%. Điều này có nghĩa là khi tăng trưởng tín dụng cao sẽ làm giảm tỷ lệ thanh khoản của ngân hàng hay nói khác đi là tăng rủi ro thanh khoản cho ngân hàng. Kết quả tìm thấy hoàn toàn nằm trong mong đợi của nghiên cứu vì khi sự tăng trưởng tín dụng diễn ra quá cao sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến mức thanh khoản của ngân hàng. Việc tăng trưởng tín dụng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố: cấp tín dụng cho khách hàng và đầu tư; lãi suất vay của NHTM; phát hành trái phiếu; quản lý chi phí hoạt động. Do vậy, các NHTM cần phải có động thái kiểm soát tốt việc cho vay và huy động vốn một cách hợp lý làm giảm rủi ro thanh khoản có thể xảy ra.

Đối với các biến kiểm soát như: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (CAP), kết quả nghiên cứu cho thấy chúng có mối quan hệ cùng chiều với tỷ lệ thanh khoản (LIQ). Như vậy, kết quả nghiên cứu có thể thấy được khi các ngân hàng có tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tài sản cao thì họ sẽ quản lý tài sản một cách hiệu quả hơn nhưng cũng làm giảm bớt khối lượng tín dụng và giảm sự phát triển của tín dụng trong ngân hàng.

Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE): kết quả tìm được mối quan hệ cùng chiều với tỷ lệ thanh khoản (LIQ) với mức ý nghĩa thống kê là 1% thấy được việc nếu tỷ lệ sử dụng vốn từ chủ sở hữu sẽ làm tăng mức độ an toàn vốn, làm giảm nguy cơ rủi ro thanh khoản của ngân hàng.

Quy mô của ngân hàng (SIZE): tìm ra mối tương quan ngược chiều giữa quy mô ngân hàng và tăng trưởng tín dụng với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Như vậy, các ngân hàng sẽ có nhiều nguồn lực để phát triển hơn nữa cùng với lượng vốn khổng lồ có khả năng tiếp cận được với các nhà đầu tư, nhưng vì đầu tư dàn trải cho nên dư nợ tín dụng và quy mô tín dụng tại các ngân hàng sẽ tăng trưởng thấp hơn những ngân hàng có nguồn vốn nhiều. Tỷ số lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA): kết quả tìm được mối quan hệ ngược chiều với tỷ lệ thanh

khoản (LIQ) với mức ý nghĩa thống kê là 1% thấy được việc nếu tỷ lệ sử dụng vốn vay cao sẽ làm giảm mức độ an toàn vốn, làm tăng nguy cơ rủi ro thanh khoản của ngân hàng.

Tóm lại, trong một hoạt động của ngân hàng thì hoạt động của tín dụng là chủ yếu khi nó mang lại nguồn thu chính của ngân hàng bên cạnh các nguồn thu nhập ngoài lãi. Thực chất thì tăng trưởng tín dụng cũng không thể nào làm tăng hoàn toàn nguồn thu nhập vì tăng trưởng tín dụng có thể làm giảm đi tính thanh khoản của ngân hàng. Vì vậy, ngân hàng cần phải có kế hoạch cụ thể, đưa ra lựa chọn phù hợp để đảm bảo chất lượng tín dụng để duy trì hoạt động của ngân hàng tốt hơn.

## 5.2. Hàm ý chính sách

Cần xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng hợp lý, hạn chế cho vay những lĩnh vực có mức độ rủi ro cao (như các khoản cho vay bất động sản hiện nay), tránh tình trạng chạy theo doanh số cho vay không kiểm soát chặt chẽ chất lượng khoản vay dẫn đến nợ xấu trong ngân hàng.

Các ngân hàng thương mại nên quản lý tốt các tài sản có tính thanh khoản cao, thường xuyên đánh giá các nỗ lực thiết lập và duy trì quan hệ với chủ sở hữu. Xây dựng mối quan hệ bền vững với các nhà đầu tư quan trọng cung cấp thanh khoản khi ngân hàng gặp khó khăn về thanh khoản và là một phần không thể thiếu trong danh mục quản lý tiền mặt của ngân hàng. Việc tập trung vào một số ít nguồn vốn làm tăng rủi ro thanh khoản. Vì vậy, để xem xét đầy đủ tính đa dạng của các nguồn vốn cần phải xem xét mức độ phụ thuộc vào một số nguồn vốn nhất định. Theo dõi việc lựa chọn các nguồn vốn khác nhau và các xu hướng ảnh hưởng đến việc lựa chọn đó nên là trách nhiệm của bộ phận nguồn vốn hoặc một bộ phận riêng biệt khác trong các ngân hàng thương mại cổ phần.

Đa dạng hóa các nguồn thu nhập cho ngân hàng, không nên chỉ tập trung quá mức vào hoạt động tín dụng để phân tán mức độ rủi ro trong hoạt động của ngân hàng. Cùng với việc đẩy mạnh chuyển đổi số để đáp ứng được mọi nhu cầu về sản phẩm dịch vụ của khách hàng trong thời đại công nghệ 4.0.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] H. Abdelaziz, B. Rim, and H. J. G. B. R. Helmi, "The interactional relationships between credit

risk, liquidity risk and bank profitability in MENA region," *Global Business Review*, vol. 23, no. 3, pp.



561-583, 2022.

[2] A. P. Aslam, R. R. J. I. J. o. H. A. Abadi, Business, and Sciences, "The Effect of Liquidity Risk, Credit Risk, and Operational Risk on Profitability in Banking Companies in Indonesia: Case Study on Banking in Indonesia," *International Journal of Humanity Advance, Business & Sciences*, vol. 1, no. 1, pp. 15-22, 2023.

[3] S. Ismail and E. J. U. S. C. M. Ahmed, "The impact of liquidity risk, credit risk, and operational risk on financial stability in conventional banks in Jordan," *Uncertain Supply Chain Management*, vol. 11, no. 2, pp. 433-442, 2023.

[4] T. T. X. Huong, T. T. T. Nga, and T. T. K. Oanh, "Liquidity risk and bank performance in Southeast Asian countries: a dynamic panel approach," *Quantitative Finance and Economics*, vol. 5, no. 1, pp. 111-133, 2021.

[5] H. Abdelaziz, B. Rim, and H. Helmi, "The interactional relationships between credit risk, liquidity risk and bank profitability in MENA region," *Global Business Review*, vol. 23, no. 3, pp. 561-583, 2022.

[6] N. Djebali and K. Zaghdoudi, "Threshold effects of liquidity risk and credit risk on bank stability in the MENA region," *Journal of Policy Modeling*, vol. 42, no. 5, pp. 1049-1063, 2020.

[7] P. T. M. Hạnh and T. L. J. T. c. N. c. T. c.-M. Vy, "Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam," *Tạp chí*

*Nghiên cứu Tài chính-Marketing*, no. 51, 2019.

[8] P. R. Lane and P. J. T. S. J. o. E. McQuade, "Domestic credit growth and international capital flows," vol. 116, no. 1, pp. 218-252, 2014.

[9] R. J. B. f. I. S. p. Duttweiler, Document Reference BCBS165, BIS Web Site, "Comments on Consultative Document: International Framework for Liquidity Risk Measurement, Standards and Operation," 2010.

[10] K. Kaharuddin and M. Yusuf, "The Impact of Liquidity Risk Optimization on the Stability of Islamic Commercial Banks in Indonesia," in *Proceeding of The International Conference on Economics and Business*, 2022, vol. 1, no. 2, pp. 671-688.

[11] R. Iyer and M. J. A. E. R. Puri, "Understanding bank runs: The importance of depositor-bank relationships and networks," vol. 102, no. 4, pp. 1414-1445, 2012.

[12] A. Ghenimi, H. Chaibi, and M. A. B. J. B. I. R. Omri, "The effects of liquidity risk and credit risk on bank stability: Evidence from the MENA region," vol. 17, no. 4, pp. 238-248, 2017.

[13] F. Ahamed, "Determinants of liquidity risk in the commercial banks in Bangladesh," *European Journal of Business and Management Research*, vol. 6, no. 1, pp. 164-169, 2021.

[14] S.-W. Wu, M.-T. Nguyen, and P.-H. Nguyen, "Does loan growth impact on bank risk?," *Heliyon*, vol. 8, no. 8, 2022.

---

## The impact of credit growth on liquidity risk of commercial banks in Vietnam

Nguyen Kim Chi, Vo Thi Diem Hong,  
Pham Thu Ha and Vo Ngoc Chau

### ABSTRACT

*The purpose of this study is to find the impact of credit growth on liquidity risk of banks in Vietnam. The study uses data from annual reports and financial statements of 27 Vietnamese commercial banks for the period 2010 - 2021. By quantitative research methods such as: regression, panel data Pooled OLS, FEM, REM, GLS and GMM two-step regression method, research results from the regression model show that credit growth has a positive impact on liquidity risk of Vietnamese commercial banks. In addition, control variables such as profitability from equity, equity ratio also have a positive impact on liquidity risk. Besides,*

*some variables such as bank size and profitability from total assets have negative effects on liquidity risk. The results of this study are the basis for policy makers to make policies on credit growth of banks in the future to limit liquidity risks.*

**Keywords:** *Credit growth, liquidity risk, commercial bank*

---

Received: 28/08/2023

Revised: 12/09/2023

Accepted for publication: 26/09/2023